

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1001 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

Xã Cồn Tiên

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025				
		Xã Cồn Tiên	Cộng gộp giao thu từ các xã			
			Gio An	Gio Sơn	Hải Thái	Linh Trường
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.372	225	780	237	130
	Ngân sách địa phương được hưởng	984	162	548	180	94
1	Thu XNQD địa phương					
2	Thu DN có vốn ĐTNN					
3	Thuế CTN &DV NQD	354	40	220	66	28
4	Lệ phí trước bạ	216	26	138	35	17
5	Thuế sử dụng đất phi NN	1	-	-	-	1
6	Thu tiền thuê đất	-				
7	Thuế thu nhập cá nhân	474	90	274	60	50
8	Thu phí và lệ phí	136	29	67	38	2
	- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản					
	- Phí tham quan					
9	Thu tiền sử dụng đất	-				
10	Thu khác	-				
	Trong đó: Thu khác NSTW					
	Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa					
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	191	40	81	38	32
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng 100%					

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1001 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

Xã Cồn Tiên

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025					Dự toán tăng thêm		Dự toán năm 2025 xã Cồn Tiên sau điều chỉnh
		Xã Cồn Tiên	Cộng gộp giao thu từ các xã				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	
			Gio An	Gio Sơn	Hải Thái	Linh Trường			
A	TỔNG SỐ THU NSDP (I+II+III+IV)	37.474	6.702	12.670	6.364	11.738	103.568	103.568	141.041
I	Thu ngân sách địa phương hưởng	984	162	548	180	94			984
1	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-			-
2	Các khoản thu cân đối còn lại	984	162	548	180	94			984
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	-							-
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang								
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.490	6.540	12.122	6.184	11.644	103.568	103.568	140.057
1	Bổ sung cân đối	31.766	6.265	11.612	5.949	7.940	88.721	88.721	120.486
2	Bổ sung có mục tiêu	4.724	275	510	236	3.704	14.847	14.847	19.571
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	37.474	6.702	12.670	6.364	11.738	103.568	103.568	141.041
I	Chi xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-			-
1	Vốn tập trung trong nước								
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất								-
II	Chi thường xuyên (1)	32.073	6.296	11.901	6.003	7.873	89.407	89.407	121.480
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	180	45	45	45	45	83.209	83.209	83.389
III	Dự phòng ngân sách	677	131	259	125	162	1.600	1.600	2.277
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ, chính sách	1.410	275	510	236	390	9.653	9.653	11.063
V	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	3.314	-	-	-	3.314	2.908	2.908	6.222

(1) Bao gồm số tiết kiệm chi 7 tháng còn lại theo Nghị quyết số 173/NQ-CP: 298 triệu đồng

BỔ SUNG TĂNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1001 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

Xã Cồn Tiên

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán chi thường xuyên	Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chính sách an sinh xã hội
A	Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã	89.407	87.239	2.168
I	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo (1)	83.209	81.207	2.002
1	Trường Mầm non Linh Trường 1	5.849	5.650	199
2	Trường Mầm non Linh Trường 2	4.916	4.804	112
3	Trường TH Hải Thái	9.264	9.255	10
4	Trường TH Linh Trường	14.945	13.467	1.478
5	Trường THCS Gio Sơn	6.763	6.722	40
6	Trường TH và THCS Gio An	9.351	9.320	31
7	Trường TH Gio Sơn	7.714	7.694	20
8	Trường TH Linh Hải	4.914	4.914	
9	Trường Mầm non Linh Hải	2.787	2.778	9
10	Trường Mầm non Hải Thái	5.792	5.758	34
11	Trường Mầm non Gio An	4.436	4.411	26
12	Trường Mầm non Gio Sơn	5.584	5.542	43
13	Kinh phí trợ cấp nước ngọt	52	52	
14	Kinh phí chi sự nghiệp GD-ĐT phân bổ sau	840	840	
II	Sự nghiệp y tế	0		0
1	Kinh phí mua thẻ BHYT các đối tượng	0		0
III	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	357	191	166
1	Chính sách an sinh xã hội	166		166
-	Kinh phí thực hiện tiền điện hộ nghèo và các ĐTXH	166		166
2	Chi nội dung khác	191	191	
IV	Các nhiệm vụ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác	5.841	5.841	
B	Dự phòng ngân sách	1.600	1.600	
C	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	9.653	0	9.653
1	Hỗ trợ kinh phí phục vụ vận hành hệ thống Tabmis; Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính - ngân sách, chuyển đổi số	83		83
2	Hỗ trợ địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng khác do không cân đối đủ nguồn (chỉnh trang đô thị, kiến thiết thị chính; tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng nông thôn mới; ...)	490		490
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của địa phương	355		355

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán chi thường xuyên	Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chính sách an sinh xã hội
	<i>Kinh phí tiền lương và chi khác hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ</i>	355		355
4	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội NSTW hỗ trợ	8.365		8.365
	<i>Kinh phí mua BHYT cho đối tượng BTXH</i>	450		450
	<i>Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20</i>	5.718		5.718
	<i>Kinh phí sự nghiệp giáo dục phân bổ sau</i>	2.197		2.197
5	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	361		361

(1) Dự toán giao các trường chuyển giao nguyên trạng từ dự toán giao đầu năm và bổ sung mục tiêu trong năm

CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1001 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

Xã Cồn Tiên

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	Tổng cộng	11.249
1	Các chế độ, chính sách Trung ương	10.894
1.1	SN Giáo dục - Đào tạo	4.200
1.1.1	Chính sách miễn giảm học phí	333
1.1.2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	746
1.1.3	Học sinh khuyết tật	287
1.1.4	Hỗ trợ DTTS theo ND số 57/2017/ND-CP	
1.1.5	Học bổng cho học sinh dân tộc bán trú, học sinh PTTH vùng ĐBKK (ND 116)	2.833
1.2	SN Y tế	450
1.2.1	Bảo hiểm y tế các đối tượng	450
1.3	SN kinh tế	361
1.3.1	Phân bổ cấp bù thủy lợi phí	361
1.3.2	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa ND 35	
1.4	SN đảm bảo xã hội	5.884
1.4.1	Kinh phí cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/ND-CP	5.718
1.4.2	Kinh phí thực hiện tiền điện hộ nghèo và các ĐTXH	166
1.4.3	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	
2	Chế độ, chính sách địa phương	355
	Kinh phí tiền lương và chi khác hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/ND-CP của Chính phủ	355

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1001 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh)

Xã Cồn Tiên

ĐDVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm		Dự toán năm 2025 Xã Cồn Tiên sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	
			Gio An	Gio Sơn	Hải Thái	Linh Trường			
	Tổng cộng	3.314	-	-	-	3.314	2.908	2.908	6.222
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	-	2.908	2.908	2.908
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	-					1.210	1.210	1.210
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	-					850	850	850
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	-					605	605	605
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	-					82	82	82
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	-					161	161	161
II	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi	3.314	-	-	-	3.314	-	-	3.314
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	300				300			300
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.322				1.322	-	-	1.322
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.692				1.692	-	-	1.692
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	-					-	-	-